

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2022.

V/v : “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Ái;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào;

Bà Nguyễn Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-DS ngày 16/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Chu Thị Mỹ H, sinh năm: 1994.

HKTT: Khu *, thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: **** K, phường H, quận X, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: anh Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1993;

HKTT: Khu *, thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn D1- SN 1963 và bà Nguyễn Thị Bích L - SN 1974.

Cùng địa chỉ: Khu *, thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, ông D1, bà L xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Chu Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến D kết hôn ngày 28/7/2016 tại UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng bố mẹ chồng được một thời gian ngắn thì anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn trước đây và khoảng cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng không còn, quan điểm sống không phù hợp nên Chị H đề nghị giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Tiến D

Về con chung: chị và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 20/2/2017, hiện nay cháu N đang sống cùng bà nội là ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị Bích L. Ly hôn chị xin nhận nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Điều không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh chị đã không liên lạc với nhau nên Chị H không biết địa chỉ của anh D tại Nhật Bản nên không cung cấp được địa chỉ của anh D cho Tòa án. Bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị Bích L hiện nay đang ở Khu *, thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ tại Nhật Bản của anh D qua bố mẹ đẻ anh D. Hiện nay chị đi làm ăn xa nên đề nghị Tòa án không tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải và xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị Bích L ngày 02/11/2021, ông D1 và bà L trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Tiến D – sinh năm 1993; địa chỉ: Khu *, thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Ông bà đã nhận được thông báo thụ lý của tòa án về việc Chị H có đơn xin ly hôn anh D. Anh Nguyễn Tiến D và chị Chu Thị Mỹ H kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình tôi, đến đầu năm 2019 anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh D đi làm ăn ở Nhật Bản đến nay chưa về nước. Anh D vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm gia đình nhưng ông bà không biết địa chỉ của anh D ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Nay Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật vì hiện nay anh D và Chị H đã trưởng thành. Về con chung, hai vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 20/2/2017, hiện nay cháu N đang ở với ông bà. Chị H đi học và đi làm tại Hà

Nội từ năm 2018, thỉnh thoảng có về nhà thăm con đến nay Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thăm hỏi cháu N. Nay Chị H và anh D ly hôn quan điểm ông bà đề nghị để cháu N ở cùng ông bà đến khi cháu N trưởng thành. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Ông bà xác nhận Chị H và anh D không có. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác gia đình đã nhận được và có thông báo đầy đủ cho anh D nhưng anh D có nói lại do điều kiện ở xa nên không về để làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án xử cho chị Chu Thị Mỹ H được ly hôn anh Nguyễn Tiến D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 20/2/2017 cho cho chị Chu Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Chu Thị Mỹ H tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có nên không đề nghị tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Chu Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Chu Thị Mỹ H nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn ly hôn Chị H trình bày anh D hiện nay đang ở Nhật Bản. Theo Công văn số 19021/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Nguyễn Tiến D sinh ngày 10/12/1993 đã xuất cảnh ngày 08/5/2019 hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về hôn nhân: Chị Chu Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tiến D đăng ký kết hôn ngày 28/7/2016 tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên được công nhận

là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của Chị H và bố mẹ đẻ anh D có căn cứ xác định cuộc sống anh D, Chị H chung sống không hạnh phúc. Anh Nguyễn Tiến D hiện nay đang ở nước ngoài, Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam anh D, không cung cấp được địa chỉ của anh D ở nước ngoài cho Tòa án. Ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị Bích L là bố mẹ đẻ anh D xác nhận anh D hiện nay đang ở Nhật Bản, anh D vẫn liên lạc với gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản nên ông bà không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Nhật Bản cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh D đang ở nước ngoài nên anh chị không có điều kiện gần gũi để giải quyết mâu thuẫn khắc phục tình trạng hôn nhân. Tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài không có khả năng đoàn tụ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thúy theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 20/2/2017 hiện nay cháu N đang ở cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị Bích L. Ly hôn Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị Bích L đề nghị khi anh D và Chị H ly hôn, ông bà đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Phương Bảo N đến khi cháu N thành niên. Hội đồng xét xử thấy trách nhiệm nuôi con là của chung hai vợ chồng, không phải là ông bà, hiện nay anh D đang lao động tại Nhật Bản do vậy cần thiết giao cháu Nguyễn Phương Bảo N cho chị Chu Thị Mỹ H, về cấp dưỡng nuôi con chung Chị H tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của Chị H do vậy cần chấp nhận là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Chị H khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Chu Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 107; 110; và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản

4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27; điểm a, khoản 6 Điều 27 Điều Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Chu Thị Mỹ H ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 20/2/2017 cho cho chị Chu Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị H tự nguyện không yêu cầu.

Anh Nguyễn Tiến D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Chu Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0004263 ngày 08/10/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THA tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- UBND TT.H
- H.T, T. Phú Thọ;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ái

